

TÒA ÁN NHÂN DÂN

KHU VỰC 3

TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 17/2026/DS-ST

Ngày: 02/02/2026

V/v “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đổi.

2. Ông La Văn Việt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 308/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 536/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: 3 tỉnh lộ 10, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị C: Ông Mai Thanh N, sinh năm 1989 (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/01/2026)(có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã Đ, A, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Vũ L, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Gò Sao, xã Hiệp Hòa, Tỉnh Tây Ninh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã H, tỉnh Tây Ninh

3.2. Ông Vũ Đình H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

3.3. Ông Vũ Đình T1, sinh năm 1990 (vắng mặt)

- 3.4. Bà Đặng Thị L1, sinh năm 1963 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh
- 3.5. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp G, xã H, tỉnh Tây Ninh.
- 3.6. Bà Vũ Thị Mộng T3, sinh năm 1979 có người giám hộ là bà Trần Thị T4, sinh năm 1964 (có mặt). Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2024 trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị C do người đại diện là ông Mai Thanh N trình bày như sau:

Cha bà Vũ Thị C tên cụ Vũ Đình M sinh năm 1930 (chết năm 1977) và mẹ là cụ Huỳnh Thị N1 sinh năm 1931 (chết năm 2023). Hai người chung sống có 3 người con: 1. Vũ Đình D (chết năm 2022) có vợ là bà Đặng Thị L1 và có 3 người con: Vũ Đình H, Vũ Đình T1, Vũ Thị T. Ngoài ra cha mẹ bà C không còn có con riêng, con nuôi khác.

Trong quá trình còn sống các cụ có để lại tài sản gồm: phần đất diện tích 5.195m² tại các thửa 209, 210, 211, 212, 213 tờ bản đồ số 11 tại xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã H, tỉnh Tây Ninh) do bà Huỳnh Thị N1 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi còn sống mẹ bà C có để lại di chúc, nội dung di chúc: cụ N1 để các thửa 212, 213 tờ bản đồ số 11 xã H có diện tích 2.373m² để làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên và làm nơi an nghỉ mồ mã cho ông bà tổ tiên; phần còn lại 3 thửa: 209, 210, 211 tờ bản đồ số 11 xã H có diện tích 2.822m² chia cho 3 người con: Vũ Thị C, Vũ L và Vũ Đình D. Nay bà C yêu cầu: Chia thừa kế phần đất thuộc thửa 209, 210 và 211 tờ bản đồ số 11 tại xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã H, tỉnh Tây Ninh) thành 3 phần, bà C được hưởng một phần tương ứng với 940m². Bà C xin nhận bằng đất. Ngoài ra bà C không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Vũ L trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của bà Vũ Thị C về mối quan hệ huyết thống trong gia đình như bà C trình bày. Còn về nguồn gốc đất thì thửa 210 tờ bản đồ số 11 tại xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (xã H, tỉnh Tây Ninh) là do vợ chồng ông bỏ 5 chỉ vàng để mua của bà N2, nhưng để cho mẹ ông là bà Huỳnh Thị N1 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dùm. Phần đất còn lại thửa 209, 211, 212, 213 tờ bản đồ số 11 xã H là của mẹ ông Huỳnh Thị N1 để lại. Trước khi cha mẹ ông còn sống, có chia cho mỗi người bà C, ông D và ông mỗi người một phần có chiều ngang khoảng 10m, dài hết đất (đã nhận đất). Trước khi chết mẹ ông có nói với ông là các phần đất còn lại mà mẹ ông (bà Huỳnh Thị N1) đang đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 209, 210, 211, 212, 213 tờ bản đồ số 11 tại xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (xã H, tỉnh Tây Ninh) để lại cho lo hương quả và thờ cúng. Hiện ông vẫn đang thờ cúng cha mẹ, người anh Vũ Đình H1 chết, không vợ con và người chị Vũ Thị B chết lúc còn nhỏ. Qua yêu

cầu khởi kiện của bà C, ông không biết gì về di chúc của mẹ ông, ông không đồng ý chia thành 3 phần. Do trong đó có một phần của thửa 210 tờ bản đồ số 11 xã H là ông mua. Ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết công nhận phần đất thuộc thửa 210 tờ bản đồ số 11 xã H là của ông, ngoài ra đối với phần còn lại là thửa 209, 211 tờ bản đồ số 11 xã H thì ông không đồng ý chia, vì mẹ ông để cho ba người đứng tên chung, nhưng không được chuyển nhượng, chuyển dịch cho người thứ ba.

Nay ông yêu cầu công nhận phần đất thuộc thửa 210, TĐĐ số 11 tại xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã H, tỉnh Tây Ninh) là của ông.

Nguyên đơn bà Vũ Thị C do người đại diện trình bày: Bà C không đồng ý với yêu cầu của ông L. Đây là đất của mẹ bà Huỳnh Thị Nhĩ. Bà đề nghị chia thừa kế theo di chúc của mẹ bà để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2 trình bày: Bà thống nhất theo ý kiến của chồng bà là ông L. Bà để chồng bà toàn quyền quyết định. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Bà xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T3 do bà T4 trình bày: Bà T3 là con của ông D với bà L2 (chị ruột của bà đã chết), sau đó ông D kết hôn với bà L1 có 3 người con: 1/ Huyện, 2/ Tàu, 3/ Tho. Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà C, bà T3 đề nghị được hưởng một phần theo qui định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Vũ Thị T, Vũ Đình T1, Đặng Thị L1, Vũ Đình H (những người thừa kế ông Vũ Đình D) trình bày: không đồng ý cho bà Vũ Thị Mộng T3 nhận thừa kế của ông Vũ Đình D và các ông bà chưa có yêu cầu tranh chấp thừa kế di sản của cụ N1 chết để lại. Đồng thời các ông bà xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông L trình bày: Đây là đất hương quả, ông không đồng ý chia. Đối với phần của ông D, ông D cũng có phần thì đề nghị bà T3 yêu cầu đối với phần ông D đã được hưởng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Nguồn gốc quyền sử dụng đất thuộc thửa 209, 210 và 211 tờ bản đồ số 11 tại ấp G, xã H, tỉnh Tây Ninh là của bà Huỳnh Thị N1

chết để lại. Do đó theo yêu cầu của bà C cần buộc ông L chia thừa kế theo quy định nhưng có xem xét phần công sức đóng góp của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của ông Vũ L, Vũ Thị C và Vũ Thị Mộng T3 nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*” là những tranh chấp được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đất tranh chấp thửa 209, 210 và 211 tờ bản đồ số 11 tại ấp G, xã H, tỉnh Tây Ninh nay là xã H, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Vũ Thị C khởi kiện được xác định là nguyên đơn; ông Vũ L được xác định là bị đơn. Các ông bà Vũ Thị T, Vũ Đình T1, Đặng Thị L1, Vũ Đình H, Nguyễn Thị T2 được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bà Vũ Thị Mộng T3 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Tranh chấp quyền sử dụng đất không tính thời hiệu theo quy định Điều 155 và 429 Bộ luật dân sự 2015 nên ông L khởi kiện công nhận thừa 201 tờ bản đồ số 11 tại ấp G, xã H, tỉnh Tây Ninh là còn thời hiệu. Đối với tranh chấp thừa kế của cụ N1 thì cụ N1 chết 2023 còn trong thời hiện khởi kiện.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/9/2016, di chúc, Giấy khai sinh, trích lục khai tử của bà Huỳnh Thị N1, trích lục khai tử Vũ Đình M, trích lục khai tử Vũ Đình D, trích lục khai tử Vũ Đình H, trích lục kết hôn của Đặng Thị L1 và ông Vũ Đình D, di chúc. Bị đơn cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 514 và bản tự khai ... Tòa án thu thập Mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực Đ duyệt, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng thư định giá, biên bản thẩm định

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo

quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015 và Luật Đất đai năm 2013 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu. Các đương sự đã được tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau và không ai có bổ sung gì thêm.

[1.4]. Về việc yêu cầu xét xử vắng mặt: Trong vụ án bà bà Vũ Thị T, Vũ Đình T1, Đặng Thị L1, Vũ Đình H, Nguyễn Thị T2 có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc quyền sử dụng đất thừa thừa 209, 210 và 211 tờ bản đồ số 11 tại ấp G, xã H, tỉnh Tây Ninh nay là xã H, tỉnh Tây Ninh là của bà Huỳnh Thị N1 (mẹ ông L và bà C và là bà nội của bà T, T1, H và bà T3). Bà N1 chết để lại di chúc ngày 07/12/2017 liên quan đến các thửa 209, 210 và 211 tờ bản đồ số 11 tại ấp G, xã H, tỉnh Tây Ninh dành cho 03 người con D, C và L. Do đó cần chia thừa kế theo quy định.

[2.2]. Đối với ông L cho rằng thửa 210 tờ bản đồ số 11 tại ấp G, xã H, tỉnh Tây Ninh là tài sản riêng của ông nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông về việc công nhận thửa đất này là tài sản riêng của ông.

[2.3]. Cách phân chia: tổng trị giá đất các thửa 209, 210 và 211 tờ bản đồ số 11 tại ấp G, xã H, tỉnh Tây Ninh là 5.345.811.000 đồng (Năm tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm mười một triệu đồng) : 10 phần = mỗi phần là 534.581.100 đồng (Năm trăm ba bốn triệu năm trăm tám mươi một ngàn một trăm đồng). Do ông L nuôi cha mẹ, thờ cúng anh hùng liệt sĩ, ma chay, giỗ... nên chia ông 02 phần/10 phần công sức đóng góp 1.069.162.200 đồng. Phần còn lại là 4.276.648.800 đồng chia đều cho 03 chi: chi ông D, ông L và bà C mỗi phần 1.425.549.600 đồng. Đối chiếu trị giá đất từng thửa: thửa 210 có giá 739.673.300 đồng; thửa 211 có giá 2.682.695.700 đồng; thửa 209 có giá 1.923.442.200 đồng. Những người thừa kế của ông D gồm có bà T, ông T1, ông H và bà L1 chưa có yêu cầu chia thừa kế di sản cụ N1, chỉ có bà T3 (mất năng lực) có người đại diện là bà T4 có yêu cầu chia nên cần chia cho bà T3 01 suất bằng 1/5 kỷ phần của ông D. Do đó phần di sản của cụ N1 mà các đồng thừa kế của ông D chưa nhận giao ông L tiếp tục giữ đến khi nào các ông bà muốn chia mà ông L không chia thì khởi kiện vụ án dân sự khác nếu thời hiệu còn. Như vậy ông L được thừa hưởng thửa 211 có giá 2.682.695.700 đồng hoàn

lại cho các ông bà T, ông T1, ông H và bà L1 là 187.983.900 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu chín trăm tám mươi ba ngàn chín trăm đồng) (ông L hoàn khi nào các ông bà Tho, ông T1, ông H và bà L1 có yêu cầu). Ông L được tạm quản lý thửa 210 tờ bản đồ 11 xã H, tỉnh Tây Ninh (phần đất mà các ông bà T, ông T1, ông H và bà L1 lẽ ra được hưởng nhưng chưa có yêu cầu hưởng). Bà Vũ Thị C được hưởng thửa đất 209 có giá 1.923.442.200 đồng nhưng kỷ phần bà C được hưởng là 1.425.549.600 đồng nên bà C phải hoàn cho bà T3 285.109.920 đồng; hoàn cho các ông bà T, ông T1, ông H và bà L1 212.782.680 đồng (khi nào Tho, ông T1, ông H và bà L1 có yêu cầu).

[3] Về chi phí thẩm định, đo đạc, bản vẽ, thu thập hồ sơ cấp giấy: Tổng chi phí là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) do bà C nộp. Bà C phải chịu 10.700.000 đồng, bà T3 (do bà T4 đại diện) chịu 2.140.000 đồng. Bà T3 phải nộp hoàn trả cho bà C. Ông L phải chịu 27.160.000 đồng, ông L phải nộp lại số tiền này hoàn trả cho bà C.

[4] Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, bà T3, ông L, bà C được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 217, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 28 và Điều 31 Luật đất đai 2024.

Căn cứ khoản 38 Điều 3, Điều 138, Điều 235, Điều 236 Luật Đất đai năm 2024.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị C về “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*” đối với ông Vũ L.

Bà Vũ Thị C được hưởng thửa đất 209 tờ bản đồ số 11 xã H diện tích 923,4m². Loại đất LUC. Buộc ông Vũ L phải bàn giao thửa đất 209 tờ bản đồ số 11 xã H diện tích 923,4m². Loại đất LUC. Vị trí đất theo Mảnh trích đo do Công ty TNHH Đ lập 15/8/2024 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày

06/9/2024. Bà Vũ Thị C được liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ L về việc công nhận tài sản riêng là thửa đất 210 tờ bản đồ số 11 xã H diện tích 355,1m². Loại đất LUC. Vị trí đất theo Mảnh trích đo do Công ty TNHH Đ lập 15/8/2024 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 06/9/2024.

3. Ông Vũ L được nhận thừa kế thừa 211 tờ bản đồ số 11 xã H diện tích 1.287,9m². Loại đất LUC. Vị trí đất theo Mảnh trích đo do Công ty TNHH Đ lập 15/8/2024 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 06/9/2024. Ông Vũ L được liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Ông L hoàn lại cho các ông bà T, ông T1, ông H và bà L1 là 187.983.900 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu chín trăm tám mươi ba ngàn chín trăm đồng) (ông L hoàn khi nào các ông bà Tho, ông T1, ông H và bà L1 có yêu cầu khởi kiện).

4. Ông Vũ L được tạm quản lý kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định thửa đất 210 tờ bản đồ số 11 xã H diện tích 355,1m². Loại đất LUC. Vị trí đất theo Mảnh trích đo do Công ty TNHH Đ lập 15/8/2024 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 06/9/2024.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Mộng T3 (do bà Nguyễn Thị T5 đại diện) “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*” đối với ông Vũ L, bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị T, Vũ Đình T1, Đặng Thị L1, Vũ Đình H.

Buộc bà Vũ Thị C giao cho bà Vũ Thị Mộng T3 (do bà Nguyễn Thị T5 đại diện) số tiền 285.109.920 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu một trăm lẻ chín ngàn chín trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N3 quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

6. Buộc ông Vũ L phải nộp lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 209, 210 và 211 tờ bản đồ 11 (tờ bản đồ mới là 84) xã H, tỉnh Tây Ninh (trước đây là xã T, huyện Đ, tỉnh Long An) thu hồi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

7. Về chi phí thẩm định, đo đạc, bản vẽ, thu thập hồ sơ cấp giấy: Tổng chi phí 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Bà C phải chịu 10.700.000 đồng, bà T3 (do

bà T5 đại diện) chịu 2.140.000 đồng. Bà T3 phải nộp hoàn trả cho bà C. Ông L phải chịu 27.160.000 đồng, ông L phải nộp lại số tiền này hoàn trả cho bà C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N3 quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vũ L, bà Vũ Thị C và bà Vũ Thị Mộng T3 được miễn án phí.

9. Về kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV3-Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây ninh;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mộng Thúy